

Số: 111 /2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quy định quy trình kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 10597/TTr-STC ngày 30 tháng 7 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quy định quy trình kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quy định quy trình kiểm tra nội dung đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh được cung cấp công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, bao gồm:

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp gồm: Tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp;

địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên người đại diện theo pháp luật; tình trạng pháp lý của doanh nghiệp.

b) Tên, mã số, địa chỉ, họ và tên người đứng đầu, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh.

c) Thông tin đăng ký hộ kinh doanh gồm: Tên hộ kinh doanh; mã số hộ kinh doanh; địa chỉ trụ sở; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên chủ hộ kinh doanh.

2. Phạm vi và các thông tin khác được cung cấp, chia sẻ

a) Thông tin về cấp mới, thay đổi, thu hồi, chấm dứt hoạt động của giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh đã cấp cho doanh nghiệp và quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính của doanh nghiệp kể từ ngày ghi nhận trên hệ thống của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Thông tin về tình hình nộp thuế trong hồ sơ khai thuế; thông tin về tình hình xuất, nhập khẩu trong hồ sơ hải quan; báo cáo tài chính.

c) Thông tin về số lượng lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp; nợ, chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của doanh nghiệp; thông tin về tình hình sử dụng lao động trong các doanh nghiệp.

d) Thông tin về tình hình đầu tư của doanh nghiệp.

đ) Các thông tin về công nghệ, chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo và các thông tin khác của doanh nghiệp.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc trao đổi, cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh được công khai thông qua hệ thống đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>, bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được yêu cầu khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với mục tiêu phục vụ quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính. Trên cơ sở thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền không yêu cầu doanh nghiệp nộp bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi

nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công có liên quan đến doanh nghiệp.

4. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan quản lý nhà nước có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định.”

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 16

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Tài chính (đối với doanh nghiệp), Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với hộ kinh doanh) trong các trường hợp sau:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh; thu hồi giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã bị thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Trường hợp doanh nghiệp không tạm ngừng, không chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo yêu cầu, cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định của pháp luật.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Thẩm quyền kiểm tra

1. Cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 20 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

2. Người có thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân
Và kinh tế tập thể;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức
thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH *Nhung*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Linh